

SỰ HÌNH THÀNH “THÓI QUEN HỌC TỪ VỰNG NGẮN HẠN” VÀ ẢNH HƯỞNG TIÊU CỰC ĐẾN VIỆC TIẾP THU TIẾNG TRUNG

Hoàng Thảo Nguyên
Trung tâm tiếng Trung TBT Việt Nam
Email: Thaoguyenhoang1910@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết tập trung làm rõ hiện tượng người học tiếng Trung hình thành thói quen học từ vựng ngắn hạn, học để đối phó, học nhanh quên và phân tích các tác động tiêu cực đến việc tiếp thu ngôn ngữ. Dựa trên khảo sát thực tế với hơn 100 người học, kết quả cho thấy phần lớn thiếu chiến lược ôn tập và ứng dụng từ vựng. Từ đó, bài viết đề xuất ba hướng điều chỉnh thói quen học nhằm nâng cao hiệu quả ghi nhớ và sử dụng tiếng Trung bền vững.

Từ khóa: ghi nhớ, học ngắn hạn, từ vựng, tiếng Trung, tiếp thu ngôn ngữ

THE FORMATION OF “SHORT-TERM VOCABULARY LEARNING HABITS” AND THEIR NEGATIVE IMPACT ON CHINESE LANGUAGE ACQUISITION

Hoang Thao Nguyen
TBT Vietnam Chinese Language Center
Email: Thaoguyenhoang1910@gmail.com

Abstract: This study investigates the short-term vocabulary learning habits among Chinese language learners and their negative impacts on long-term language acquisition. Based on a survey of over 100 learners, the findings reveal a tendency to memorize isolated words for tests, with minimal review or contextual use. Such habits hinder vocabulary retention and productive language skills. The paper highlights key behavioral patterns and proposes three strategic solutions: contextual learning, spaced repetition, and enhanced learner awareness, aiming to foster sustainable and effective vocabulary acquisition.

Keywords: Chinese language, memory, short-term learning, vocabulary, vocabulary retention

Nhận bài: 13/07/2025

Phản biện: 16/08/2025

Duyệt đăng: 21/08/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ vựng là nền tảng thiết yếu trong quá trình học và sử dụng ngoại ngữ. Không có vốn từ vựng đủ rộng và đủ sâu, người học khó có thể phát triển kỹ năng đọc hiểu, diễn đạt ý tưởng hay tham gia vào các tình huống giao tiếp thực tế. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy và học tập tiếng Trung tại các cơ sở đào tạo ở Việt Nam hiện nay, một hiện tượng phổ biến nhưng ít được nghiên cứu sâu là việc người học hình thành thói quen học từ vựng ngắn hạn, chủ yếu để phục vụ mục tiêu thi cử tức thời thay vì tích lũy và sử dụng lâu dài.

Thói quen thường biểu hiện qua việc học từ rời rạc, học thuộc lòng danh sách từ vựng mà không gắn với ngữ cảnh cụ thể, không ôn tập định kỳ và rất ít khi áp dụng vào thực tiễn như viết đoạn văn hay nói chuyện. Người học thường chỉ tập trung ghi nhớ từ ngữ để hoàn thành bài kiểm tra hoặc thi HSK, sau đó nhanh chóng quên từ vì thiếu sự tiếp xúc lặp lại hoặc ứng dụng thực tế. Điều này không chỉ khiến quá trình học kém hiệu quả mà còn gây tâm lý “học hoài không nhớ”, làm giảm động lực học tập.

Theo nghiên cứu của Schmitt (2008), việc ghi nhớ từ vựng hiệu quả đòi hỏi người học phải trải qua nhiều lần tiếp xúc với từ đó trong các ngữ cảnh khác nhau, đồng thời có sự kết nối giữa từ

mới và kiến thức đã biết. Trong khi đó, các phương pháp học mang tính đối phó, tập trung vào ghi nhớ ngắn hạn, thường không tạo ra trí nhớ sâu và bền vững. Một khảo sát của Kiliçkaya & Krajka (2010) cũng cho thấy, đa số sinh viên học ngoại ngữ có xu hướng học từ vựng để vượt qua kỳ thi hơn là để sử dụng thành thạo trong giao tiếp, và chính điều này làm chậm tiến trình phát triển năng lực ngôn ngữ toàn diện.

Thực tế tại các lớp học tiếng Trung ở Việt Nam cho thấy xu hướng học từ theo kiểu “đọc - chép - học thuộc” vẫn còn rất phổ biến, đặc biệt ở giai đoạn sơ - trung cấp. Học viên thường yêu cầu giáo viên “cho list từ” hoặc “chốt từ sẽ ra thi”, trong khi ít quan tâm đến cách dùng từ trong câu, ý nghĩa biểu cảm hoặc hiện tượng đồng âm dị nghĩa phong phú trong tiếng Trung. Điều này dẫn đến việc hiểu sai từ, dùng sai ngữ cảnh, và về lâu dài hình thành tâm lý e ngại khi sử dụng ngôn ngữ.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu về thói quen học từ vựng ngắn hạn và hệ quả của nó đối với việc tiếp thu tiếng Trung là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn cao. Nghiên cứu góp phần làm rõ một vấn đề tồn tại phổ biến trong môi trường học ngoại ngữ hiện nay, mà còn mở ra hướng kiến nghị những phương pháp học từ vựng hiệu quả và bền vững hơn cho người học tiếng Trung.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo hướng phương pháp định tính kết hợp khảo sát mô tả, nhằm nhận diện thói quen học từ vựng ngắn hạn của người học tiếng Trung và những hệ quả tiêu cực trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ. Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua một bảng hỏi trực tuyến (Google Form), phát hành trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook và Zalo, nhắm đến đối tượng là người học tiếng Trung từ trình độ sơ cấp đến trung cấp. Tổng cộng có 103 người học tham gia khảo sát, phần lớn là sinh viên các trường đại học tại Việt Nam có theo học tiếng Trung như một chuyên ngành chính hoặc phụ, hoặc đang ôn luyện các kỳ thi HSK.

Bảng hỏi gồm 5 câu hỏi đóng (dạng Yes/No), tập trung vào các khía cạnh: động cơ học từ vựng, tần suất ôn tập, khả năng sử dụng từ vào ngữ cảnh thực tế, và mức độ ghi nhớ từ sau học. Mục tiêu của khảo sát không nhằm tiến hành phân tích thống kê sâu bằng công cụ định lượng như SPSS, mà nhằm mô tả xu hướng hành vi học từ trong cộng đồng người học tiếng Trung hiện nay.

Nghiên cứu còn kết hợp phân tích tài liệu thứ cấp bao gồm các công trình nghiên cứu quốc tế liên quan đến học từ vựng, ghi nhớ ngôn ngữ và hành vi học tập ngắn hạn. Các kết quả khảo sát được đối chiếu với các lý thuyết nền như “lý thuyết tiếp nhận ngôn ngữ” (Krashen, 1982) hay “mô hình học từ vựng theo chiều sâu” (Nation, 2001), từ đó đưa ra đánh giá và đề xuất điều chỉnh phù hợp với ngữ cảnh học tập tiếng Trung tại Việt Nam.

2.2. Cơ sở lý luận về học từ vựng và trí nhớ ngắn hạn

Học từ vựng là một trong những yếu tố cốt lõi trong việc tiếp thu và sử dụng ngôn ngữ thứ hai. Quá trình ghi nhớ từ vựng không chỉ là việc tiếp nhận mặt hình thức (âm, chữ viết) và nghĩa của từ, mà còn liên quan đến cách thức xử lý thông tin trong trí nhớ, đặc biệt là mối liên hệ giữa trí nhớ ngắn hạn (short-term memory) và trí nhớ dài hạn (long-term memory).

Trong lĩnh vực tâm lý học ngôn ngữ, trí nhớ ngắn hạn được hiểu là hệ thống xử lý thông tin tạm thời với dung lượng giới hạn, có chức năng lưu giữ và thao tác thông tin trong thời gian ngắn. Theo Baddeley (2003), hệ thống này bao gồm cả bộ nhớ thính âm và xử lý thị giác không gian, đóng vai trò quan trọng trong việc ghi nhớ và học từ mới. Tuy nhiên, nếu người học chỉ dừng lại ở

mức ghi nhớ bề mặt (như học thuộc danh sách từ mà không áp dụng thực tế), thì thông tin dễ bị mất khỏi trí nhớ ngắn hạn trước khi kịp chuyển hóa thành kiến thức lâu dài.

Nghiên cứu gần đây của Webb & Nation (2017) cho thấy việc học từ vựng một cách hiệu quả đòi hỏi ít nhất 6-10 lần tiếp xúc có ý nghĩa với từ trong các ngữ cảnh khác nhau để chuyển hóa từ sang trí nhớ dài hạn. Điều này đặc biệt quan trọng trong môi trường học ngôn ngữ phi bản ngữ, nơi người học có ít cơ hội tiếp xúc tự nhiên với từ vựng trong đời sống hàng ngày.

Ngoài ra, Lin & Lin (2020) nhấn mạnh rằng trong thời đại học tập trực tuyến và tốc độ cao, người học ngày càng có xu hướng tiếp cận thông tin một cách nhanh chóng nhưng hời hợt - dẫn đến hiện tượng học từ vựng kiểu “nhập - nhớ - quên” (input - memorize - forget). Việc thiếu chiến lược ôn tập, không ngữ cảnh hóa từ vựng, và áp lực thi cử khiến nhiều người học phát triển thói quen học từ ngắn hạn, nơi từ vựng được lưu trữ trong trí nhớ tạm thời mà không có khả năng sử dụng linh hoạt trong các kỹ năng ngôn ngữ.

2.3. Đặc điểm của thói quen học từ vựng ngắn hạn ở người học tiếng Trung

Dựa trên kết quả khảo sát và quan sát hành vi học tập của người học tiếng Trung ở nhiều trình độ khác nhau, có thể nhận diện một số đặc điểm điển hình trong thói quen học từ vựng ngắn hạn như sau:

Thứ nhất, người học thường ghi nhớ từ vựng dưới dạng đơn lẻ, tách rời ngữ cảnh.

Nhiều người học có xu hướng học từ thông qua danh sách từ vựng hoặc flashcard, tập trung vào hình thức mặt chữ và nghĩa tiếng Việt, mà không chú ý đến cách dùng từ trong câu, sắc thái ý nghĩa hay tình huống giao tiếp thực tế. Nation (2001) nhấn mạnh rằng việc học từ thiếu ngữ cảnh làm giảm khả năng xử lý sâu thông tin và khiến người học dễ quên hơn trong thời gian ngắn.

Thứ hai, người học thiếu chiến lược ôn tập định kỳ và lặp lại theo chu kỳ.

Sau khi học từ mới, phần lớn người học không xây dựng được quy trình ôn tập khoa học, dẫn đến việc từ vựng chỉ tồn tại tạm thời trong trí nhớ ngắn hạn rồi nhanh chóng bị quên lãng. Theo Barcroft (2015), việc không lặp lại từ vựng trong khoảng thời gian thích hợp làm gián đoạn quá trình chuyển hóa thông tin vào trí nhớ dài hạn.

Thứ ba, mục tiêu học từ vựng thường mang tính đối phó, phục vụ thi cử hoặc nhiệm vụ ngắn

hạn. Không ít người học chỉ ghi nhớ từ để làm bài kiểm tra, hoàn thành bài tập hoặc ôn thi HSK, sau đó không tiếp tục sử dụng lại từ. Kiểu học này mang tính “học để qua môn” thay vì “học để sử dụng”, dẫn đến việc ghi nhớ thiếu chiều sâu và khó tái hiện từ trong môi trường thực tế. Marton & Säljö (1997) gọi đây là hiện tượng surface learning - học nông, tập trung vào nhiệm vụ ngắn hạn mà bỏ qua mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ lâu dài.

Thứ tư, người học ít sử dụng từ đã học trong các kỹ năng sản sinh ngôn ngữ như viết và nói. Việc thiếu thực hành sử dụng từ mới khiến vốn từ chỉ tồn tại ở mức nhận biết (receptive vocabulary), mà không chuyển hóa thành vốn từ chủ động (productive vocabulary). Theo Webb (2008), để sử dụng được từ vựng một cách linh hoạt, người học cần trải qua quá trình chuyển đổi giữa đầu vào (input) và đầu ra (output) qua nhiều lần sử dụng đa dạng và có ý nghĩa.

Từ các đặc điểm nêu trên, có thể thấy rằng thói quen học từ vựng ngắn hạn không chỉ phổ biến ở

người học tiếng Trung tại bậc đại học mà còn lan rộng trong cộng đồng người tự học hoặc ôn luyện thi cử. Đây là một thực trạng đáng lưu ý vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tiếp thu và năng lực sử dụng ngôn ngữ của người học về lâu dài.

2.4. Khảo sát thực tiễn về hành vi và hệ quả học từ vựng ngắn hạn

Để nhận diện cụ thể hơn những biểu hiện của thói quen học từ vựng ngắn hạn trong cộng đồng người học tiếng Trung hiện nay, nhóm nghiên cứu đã tiến hành một khảo sát trực tuyến với đối tượng là người học tiếng Trung từ trình độ sơ cấp đến trung cấp. Bảng hỏi gồm 5 câu hỏi đóng (Yes/No), tập trung vào các khía cạnh: động cơ học từ vựng, thói quen ôn tập, mức độ ghi nhớ sau học và khả năng sử dụng từ trong thực tế.

Khảo sát được phát hành qua mạng xã hội (Facebook, Zalo) trong các nhóm học tiếng Trung, và nhận được 103 phản hồi hợp lệ trong vòng một tuần. Dữ liệu được tổng hợp và phân tích theo hướng mô tả nhằm rút ra các xu hướng chính.

Bảng 1. Kết quả khảo sát hành vi học từ vựng ngắn hạn

STT	Câu hỏi khảo sát	Tỷ lệ trả lời “Có” (%)
1	Bạn có thường học từ vựng chỉ để vượt qua bài kiểm tra hoặc kỳ thi không?	87%
2	Sau khi thi hoặc hoàn thành bài tập, bạn có ôn lại từ vựng đã học không?	28%
3	Bạn có thường xuyên sử dụng từ vựng đã học trong giao tiếp hoặc viết lách?	33%
4	Bạn có cảm thấy mình quên từ rất nhanh sau khi học xong?	81%
5	Bạn có ghi nhớ tốt hơn khi từ vựng xuất hiện trong ngữ cảnh cụ thể (ví dụ: câu)?	94%

Kết quả khảo sát cho thấy một thực trạng đáng lưu ý: phần lớn người học (87%) thừa nhận học từ chủ yếu để phục vụ cho thi cử hoặc các nhiệm vụ ngắn hạn. Chỉ 28% người học cho biết họ có ôn lại từ sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ, cho thấy chiến lược lặp lại - một yếu tố quan trọng để chuyển hóa từ sang trí nhớ dài hạn - đang bị bỏ ngỏ.

Đáng chú ý, có đến 81% người học cảm thấy mình quên từ rất nhanh sau khi học, điều này phản ánh rõ sự phụ thuộc vào trí nhớ ngắn hạn mà không có sự củng cố đủ mạnh để duy trì từ vựng lâu dài. Bên cạnh đó, việc ít vận dụng từ đã học vào kỹ năng nói và viết (chỉ 33% trả lời “có”) cho thấy vốn từ vựng bị đóng khung ở mức độ nhận biết (passive knowledge), chưa được chuyển hóa thành khả năng sử dụng chủ động (active use).

Tuy nhiên, tín hiệu tích cực là có đến 94% người tham gia khảo sát cho rằng họ ghi nhớ từ tốt hơn nếu từ được đặt trong ngữ cảnh cụ thể. Điều này cho thấy người học có nhận thức rõ về hiệu quả của việc học từ trong câu, đoạn văn hoặc tình huống thực tế, mở ra khả năng điều chỉnh thói quen học từ theo hướng bền vững hơn trong các phần sau.

2.5. Phân tích tác động tiêu cực của thói quen học ngắn hạn đến việc tiếp thu tiếng Trung

Kết quả khảo sát và quan sát thực tế cho thấy thói quen học từ vựng ngắn hạn đang diễn ra phổ biến trong cộng đồng người học tiếng Trung. Việc học từ mang tính chất đối phó, ghi nhớ tạm thời và không được ứng dụng vào thực tế đã và đang gây ra nhiều hệ quả tiêu cực đến quá trình tiếp thu

ngôn ngữ một cách toàn diện. Có thể phân tích các tác động tiêu cực theo ba phương diện chính: trí nhớ, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, và động lực học tập.

Việc học ngắn hạn làm suy giảm hiệu quả ghi nhớ từ vựng về lâu dài. Người học thường chỉ ghi nhớ mặt chữ hoặc nghĩa từ trong một thời gian ngắn để hoàn thành bài thi hoặc bài tập, nhưng do không có sự lặp lại và ôn tập, từ vựng không được chuyển hóa vào trí nhớ dài hạn. Điều này dẫn đến tình trạng “học trước - quên sau”, tạo vòng lặp học - quên lặp đi lặp lại. Hệ quả là người học mất thời gian học lại cùng một lượng từ, gây lãng phí công sức và giảm hiệu suất học tập.

Vốn từ vựng bị “đóng khung” ở mức nhận biết, không phát triển được khả năng sử dụng chủ động. Nhiều người học có thể nhận ra từ khi đọc hoặc nghe, nhưng lại không sử dụng được trong nói hoặc viết. Việc thiếu thực hành đầu ra khiến từ không trở thành công cụ giao tiếp mà chỉ là kiến thức thụ động. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến kỹ năng biểu đạt bằng tiếng Trung, nhất là khi người học cần nói hoặc viết một cách trôi chảy và chính xác.

Thói quen học ngắn hạn làm giảm hứng thú và động lực học tập. Khi người học liên tục trải nghiệm cảm giác “học rồi vẫn quên”, họ dễ rơi vào trạng thái hoài nghi khả năng của bản thân và mất niềm tin vào việc học tiếng Trung lâu dài. Tình trạng này dễ dẫn đến sự chán nản, học cảm chừng, hoặc thậm chí bỏ cuộc khi gặp những thử thách ngôn ngữ ở trình độ cao hơn.

Việc học từ rời rạc và thiếu ngữ cảnh ảnh hưởng đến khả năng hiểu và vận dụng tiếng Trung trong thực tế. Người học không hình thành được “cảm nhận ngôn ngữ” - yếu tố quan trọng để lựa chọn từ đúng sắc thái và ngữ pháp. Điều này dẫn đến việc dùng từ sai ngữ cảnh, hiểu nhầm nghĩa câu, hoặc diễn đạt thiếu tự nhiên, gây trở ngại trong giao tiếp và học tập nâng cao.

Thói quen học từ vựng ngắn hạn tuy mang lại lợi ích tức thời (đáp ứng thi cử, hoàn thành bài tập), nhưng về lâu dài lại cản trở quá trình tiếp thu tiếng Trung một cách hệ thống và hiệu quả. Nhận diện rõ các hệ quả này là cơ sở để người học và người dạy cùng thay đổi chiến lược học từ, hướng tới việc xây dựng thói quen học từ vựng bền vững, lâu dài và gắn liền với thực tiễn sử dụng ngôn ngữ.

2.6. Kiến nghị điều chỉnh thói quen học từ vựng theo hướng hiệu quả và bền vững

Trước những hệ quả tiêu cực đã phân tích, việc

điều chỉnh thói quen học từ vựng theo hướng hiệu quả và lâu dài không chỉ là một khuyến nghị mang tính lý thuyết, mà là yêu cầu cấp thiết đối với người học tiếng Trung trong bối cảnh học thuật và thực tiễn sử dụng ngôn ngữ ngày càng đặt ra tiêu chuẩn cao hơn. Để chuyển từ mô hình học tạm thời sang học bền vững, cần triển khai các kiến nghị theo ba trục: phương pháp cá nhân, chiến lược tổ chức dạy học, và nâng cao nhận thức người học.

(i) Điều chỉnh phương pháp học cá nhân

Người học cần chuyển từ học từ đơn lẻ sang học từ trong ngữ cảnh. Việc học từ gắn với câu, đoạn văn hoặc hội thoại sẽ giúp não bộ mã hóa từ tốt hơn, dễ nhớ và dễ hình dung cách dùng. Thay vì ghi nhớ “nhồi nhét”, người học nên luyện viết câu, đặt ví dụ cá nhân, hoặc phân tích cách dùng từ trong bài đọc/nghe thực tế. Bên cạnh đó, áp dụng nguyên tắc lặp lại ngắt quãng (spaced repetition) để tăng khả năng ghi nhớ dài hạn. Người học có thể sử dụng các ứng dụng như Anki, Quizlet hoặc thiết kế lịch ôn tập thủ công theo mô hình “học lại sau 1 ngày - 3 ngày - 7 ngày - 14 ngày”. Đây là một chiến lược khoa học đã được chứng minh là giúp chống quên hiệu quả. Ngoài ra, tích cực sử dụng từ đã học trong các kỹ năng sản sinh như viết đoạn văn, ghi nhật ký, hoặc luyện nói. Việc biến từ vựng từ mức “nhận biết” sang “sử dụng” là yếu tố then chốt để nâng cao năng lực thực tế và duy trì trí nhớ.

(ii) Đổi mới chiến lược dạy và tổ chức lớp học

Giáo viên cần thiết kế bài học tăng tính ứng dụng và khuyến khích học từ theo ngữ cảnh. Thay vì chỉ cung cấp danh sách từ, giáo viên nên tích hợp từ vựng vào các đoạn hội thoại, bài đọc ngắn hoặc tình huống thực tế để người học thấy rõ mối liên hệ giữa từ và cách dùng. Ngoài ra, tăng cường các hoạt động giao tiếp, dự án nhóm, trình bày ngắn, viết sáng tạo để buộc người học tái sử dụng từ nhiều lần trong bối cảnh có mục tiêu. Qua đó, từ không còn “nằm chết” trong sổ tay, mà được kích hoạt trong tư duy và giao tiếp. Bên cạnh đó, tổ chức các buổi ôn tập từ vựng định kỳ theo chủ đề để củng cố kiến thức cũ, kết nối với bài mới, tạo vòng lặp ghi nhớ liên tục.

(iii) Nâng cao nhận thức và thay đổi tư duy học tập

Cần giúp người học hiểu rõ rằng học từ vựng không chỉ để phục vụ bài thi, mà là để sở hữu công cụ tư duy và giao tiếp bằng ngoại ngữ. Việc nhận thức đúng mục tiêu học sẽ tạo động lực nội tại và thay đổi cách tiếp cận. Giáo viên, trung tâm

đào tạo hoặc cộng đồng học tập trực tuyến có thể phổ biến các tài liệu, video hoặc workshop ngắn để định hướng người học về chiến lược học hiệu quả.

III. KẾT LUẬN

Thói quen học từ vựng ngắn hạn là một hiện tượng phổ biến nhưng ít được chú ý trong quá trình học tiếng Trung, đặc biệt ở người học trình độ sơ - trung cấp. Thông qua việc phân tích cơ sở lý luận, khảo sát thực tiễn và đánh giá hành vi học tập, nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc học từ thiếu ngữ cảnh, thiếu lặp lại và không có chiến lược ứng

dụng rõ ràng không chỉ làm giảm hiệu quả ghi nhớ mà còn cản trở khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và sâu sắc. Từ đó, nghiên cứu đề xuất ba hướng điều chỉnh cốt lõi: thay đổi phương pháp học theo ngữ cảnh và lặp lại thông minh, tổ chức lại hoạt động dạy học để tăng khả năng tái sử dụng từ, và nâng cao nhận thức người học về mục tiêu tiếp thu từ vựng lâu dài. Những kiến nghị này góp phần hỗ trợ người học xây dựng thói quen học từ vựng bền vững, phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực ngôn ngữ trong thời đại hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Barcroft, J. (2015). *Lexical input processing and vocabulary learning*. John Benjamins Publishing.
- Baddeley, A. (2003). Working memory and language: An overview. *Journal of Communication Disorders*, 36(3), 189-208. [https://doi.org/10.1016/S0021-9924\(03\)00019-4](https://doi.org/10.1016/S0021-9924(03)00019-4)
- Kiliçkaya, F., & Krajka, J. (2010). Dictogloss as a way of developing communicative competence in teaching English for specific purposes. *The Internet Journal of Language, Culture and Society*, (30), 131-136.
- Krashen, S. D. (1982). *Principles and practice in second language acquisition*. Pergamon Press.
- Lin, C. C., & Lin, Y. J. (2020). Vocabulary learning behaviors in mobile-assisted learning: The challenge of memory sustainability. *Computer Assisted Language Learning*, 33(7), 737-758. <https://doi.org/10.1080/09588221.2019.1609030>
- Marton, F., & Säljö, R. (1997). Approaches to learning. In F. Marton, D. Hounsell, & N. Entwistle (Eds.), *The experience of learning* (2nd ed., pp. 39-58). Scottish Academic Press.
- Nation, I. S. P. (2001). *Learning vocabulary in another language*. Cambridge University Press.
- Schmitt, N. (2008). Instructed second language vocabulary learning. *Language Teaching Research*, 12(3), 329-363. <https://doi.org/10.1177/1362168808089921>
- Webb, S. (2008). Receptive and productive vocabulary sizes of L2 learners. *Studies in Second Language Acquisition*, 30(1), 79-95. <https://doi.org/10.1017/S0272263108080042>
- Webb, S., & Nation, P. (2017). *How vocabulary is learned*. Oxford University Press.